

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy);

Căn cứ Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy);

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2105/TTr-SGTVT ngày 29/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy) với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy).
2. Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy).
3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.
4. Loại, nhóm, cấp công trình:
 - Nhóm công trình: Nhóm B;
 - Loại công trình: Công trình giao thông;

- Cấp công trình: Công trình cấp III.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Mỹ Hòa, huyện Ân Thi.

6. Đơn vị thực hiện điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông.

7. Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình sau khi điều chỉnh:

7.1. Quy mô công trình:

- Tuyến được thiết kế với quy mô đường cấp IV đồng bằng theo Tiêu chuẩn TCVN4054: 2005;

- Tốc độ thiết kế 60km/h (các đoạn tuyến khó khăn về mặt bằng thiết kế tốc độ nhỏ hơn 60 km/h);

- Mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm;

- Mô đun đàn hồi $E_{yc}=140\text{Mpa}$;

- Tải trọng trục thiết kế 10T.

7.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính của nền, mặt đường:

7.2.1. Bình đồ tuyến: Điểm đầu tại Km2+843 (tại nút giao với ĐH.32), điểm cuối tại Km15+700 (nút giao QL.38); chiều dài $L = 12.857\text{m}$.

7.2.2. Trắc dọc: Thiết kế trên nguyên tắc phù hợp với hiện trạng đảm bảo chiều dày kết cấu trên toàn tuyến, giảm thiểu khối lượng đào đắp cũng như khối lượng các công trình phụ trợ khác, tránh tôn quá cao trước cửa nhà dân.

7.2.3. Trắc ngang tuyến:

- Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 9,0\text{m}$;

- Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 7,0\text{m}$; dốc ngang 2 mái $i = 2\%$;

- Bề rộng lề gia cố: $B_{lgc} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$ (kết cấu như kết cấu mặt đường);
dốc ngang $i=2\%$;

- Bề rộng lề đất: $B_{ld} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$; dốc ngang $i = 4\%$; taluy đắp 1/1,5.

7.2.4. Kết cấu áo đường (theo thứ tự từ trên xuống):

a) Trên mặt đường mở rộng:

KC1: Lớp BTNC19 dày 7cm; móng trên CPDD loại I dày 15cm; móng dưới CPDD loại II dày 30cm; lớp vải địa kỹ thuật; lớp cát đen đầm chặt $K=0.98$ dày 50cm; lớp cát đen đầm chặt $K=0.95$.

b) Trên mặt đường cũ:

- KCTC1: Lớp BTNC19 dày 7cm; móng CPDD loại I dày 15cm; lớp bù vênh CPDD loại I (áp dụng cho đoạn tuyến cường độ mặt đường cũ 93Mpa);

- KCTC2: Lớp BTNC19 dày 7cm; móng CPDD loại I dày 18cm; lớp bù vênh CPDD loại I (áp dụng cho đoạn tuyến cường độ mặt đường cũ 84Mpa);

- KCTC3: Lớp BTNC19 dày 7cm; móng CPDD loại I dày 22cm; lớp bù vênh CPDD loại I (áp dụng cho đoạn tuyến cường độ mặt đường cũ 75Mpa);

- KCTC4: Lớp BTNC19 dày 7cm, bù vênh BTNC 19 (áp dụng cho mặt đường tăng cường) tại các vị trí vuốt nổi về đường hiện trạng;

- KC1A: Lớp BTNC19 dày 7cm; móng trên CPDD loại I dày 15cm; móng dưới CPDD loại II dày 30cm; lớp bù vênh CPDD loại II (áp dụng cho những đoạn mặt đường cũ là CPDD bị hư hỏng).

c) Xử lý nền đất yếu: Xử lý nền đất yếu bằng cọc tre D6 - 8cm; dài 2,5m; mật độ 25 cọc/m²; đào hết lớp bùn nhão, thay thế bằng cát đen đầm chặt $k = 0,95$ kết hợp với vải địa kỹ thuật.

7.2.5. Kết cấu vuốt nổi đường ngang:

- Mặt đường cũ là BTN hoặc láng nhựa: Lớp BTNC C19, bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I dày TB15cm;

- Mặt đường cũ khác: Lớp mặt đường bằng BTXM mác 250 đá 2x4 dày 18cm, móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm.

7.2.6. Các nút giao tại Km2+980; Km6+907,08; Km8+100; Km12+800; Km15+500: Thiết kế các nút giao đồng mức, tất cả các hướng rẽ được mở rộng bán kính, bố trí đủ hệ thống vạch sơn, biển báo để đảm bảo an toàn giao thông; riêng nút giao với QL.38 thiết kế tách, nhập làn theo quy định.

7.3. Các công trình trên tuyến:

7.3.1. Hệ thống thoát nước:

a) Thoát nước dọc:

- Thiết kế cống dọc D1000 tại Km10+400 - Km10+482.36: Thân cống bằng BTCT đúc sẵn tải trọng B; móng cống bằng BTCT mác 200 đúc sẵn;

- Thiết kế cống hộp BxH = 1,5mx1,5m tại Km:12+819.33: Thân cống bằng BTCT đúc sẵn tải trọng HL.93; đế cống bằng BTCT mác 200 đúc sẵn;

- Thiết kế rãnh dọc các đoạn trong khu dân cư: Khẩu độ rãnh BxHtb=0,4mxHtb (Htb là chiều cao tại từng mặt cắt); thân rãnh bằng BTCT mác 200 đá 1x2 đặt trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 15cm; tấm đan BTCT mác 250 đá 1x2;

- Cải tạo rãnh cũ: Phá dỡ xà mũ cũ bị hư hỏng; xây coi thành rãnh bằng gạch chỉ đặc vữa XMCV mác 75; xà mũ bằng BTCT mác 200 đá 1x2; tấm đan tận dụng, bổ sung tấm đan bằng BTCT mác 200 đá 1x2;

- Tận dụng thân rãnh, tấm đan; bổ sung thân rãnh, tấm đan có cùng kết cấu tại các đoạn Km6+613,2-Km6+860 (trái); Km8+100,77-Km8+361,8 (phải); Km8+120-Km8+343,01 (trái);

- Thân rãnh bằng BTCT mác 200 đá 1x2 đúc sẵn đặt trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 15cm; tấm đan bằng BTCT mác 250 đá 1x2.

b) Thoát nước ngang: Thiết kế nổi dài cống hiện trạng còn tốt, xây dựng cống mới:

- Cống tròn bằng BTCT tải trọng C, móng cống xây đá hộc vữa XMCV mác 100 trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm. Gia cố nền bằng cọc tre D6-8cm dài 2,5m; mật độ 25 cọc/m²;

- Cống hộp tải trọng HL93, móng cống bằng BTCT M250 trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm. Gia cố nền bằng cọc tre D6-8cm dài 2,5m; mật độ 25 cọc/m².

7.3.2. Cầu Thuận Xuyên:

- Cầu được thiết kế với tải trọng HL.93, chiều rộng mặt cầu B=12m (phần xe chạy rộng 11,0m; lan can hai bên 2x0.5m=1,0m).

- Kết cấu phần trên:

+ Cầu gồm 3 nhịp giản đơn với sơ đồ cầu 22m+24m+22m. Dầm chủ $H_d=0,95m$ dạng dầm bản BTCT DUL căng trước, bê tông mác 40Mpa;

+ Lớp mặt cầu: Lớp phòng nước RADCON 7; liên kết bản mặt cầu bằng BTCT 30Mpa dày 15cm; lớp BTNC19 dày 7cm;

+ Gờ chắn bánh bằng BTCT 30Mpa, lan can bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng;

+ Bố trí bản liên tục nhiệt trên trụ T1 và T2;

+ Khe co giãn tại mố M1 và M2 bằng thép dạng răng lược;

+ Bản quá độ: Kích thước rộng 11m dài 6m bằng BTCT 30Mpa;

+ Ống thoát nước bằng ống gang đúc dày 9mm.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu được thiết kế kiểu tường chữ U bằng BTCT 30MPa; đài móng đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính $D=1000$ bằng BTCT 30MPa, chiều dài cọc tại dự kiến là 48m.

+ Tứ nón xây đá hộc vữa XMCV mác 100 dày 30cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, chân khay xây đá hộc vữa XMCV mác 100, xử lý nền bằng cọc tre D6-8cm dài 3,0m; mật độ 25 cọc/m².

- Thiết kế cầu tạm để đảm bảo giao thông: Cầu tạm được thiết kế cho xe có tổng tải trọng từ 2,5 tấn trở xuống đi qua; mặt cắt ngang cầu $B_{mặt} = 4.0m$; mặt cắt ngang đường dẫn: $B_{mặt} = 4,0m$, nền đường 5,0m; dốc dọc <4%; Mặt đường bằng cấp phối đá dăm loại II dày 30cm, nền cát đen đầm chặt K98 dày 50cm. Cầu gồm 05 nhịp giản đơn:

+ Kết cấu phần trên: Dầm chủ bằng thép I450, liên kết ngang bằng thép U 300 theo tiêu chuẩn thép hình cán nóng TCVN 7571:2006. Mặt cầu bằng gỗ ván dày 8cm trên hệ thanh ngang bằng xà gồ gỗ kích thước 10cmx20cm dài 4m đặt cách nhau 0,2m. Lan can cầu tạo bằng các thanh thép tròn D20, liên kết hàn với thép góc L100x100x10 chạy dọc 2 bên mép cầu;

+ Kết cấu phần dưới: Mố cầu bằng BTCT 30Mpa đặt trên hệ cọc BTCT 30Mpa, kích thước 35cmx35cm, dài dự kiến 30m kết hợp rọ đá hộc. Trụ, xà mũ trụ bằng BTCT 30Mpa đặt trên hệ cọc BTCT mác 30Mpa, kích thước cọc 35cmx35cm, dài dự kiến 35m.

7.3.3. Thiết kế khác:

- Gia cố mái taluy bằng đá hộc xây vữa XMCV mác 100 dày 30cm trên lớp đệm đá dăm 2x4 tại vị trí ao, nền đường đắp cao; chân khay bằng BTXM M150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm. Gia cố nền dưới chân khay bằng cọc tre D6-8cm dài 2,5m; mật độ 25cọc/m².

7.3.4. Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế hệ thống báo hiệu theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/BGTVT:

- Mặt biển bằng thép mạ kẽm nhúng nóng dày 2mm, cột biển bằng thép D89mm dày 2mm; màng phản quang loại SORI 3900.

- Sơn vạch tim và vạch biên dày 2mm, gờ giảm tốc dày 6mm bằng sơn nóng dẻo nhiệt phản quang.

- Thiết kế tôn hộ lan tại đường dẫn đầu cầu Thuận Xuyên và tại Km15+520-

Km15+600 (phải).

- Tôn hộ lan bằng thép mạ kẽm nhúng nóng dày 3mm.
- Cọc tiêu bằng BTCT mác 200 đá 1x2 kích thước 15cmx15cmx110cm.
- Cọc H bằng BTXM mác 200 đá 1x2 kích thước 20cmx20cmx105cm.
- Cột Km bằng BTCT mác 200 đá 1x2.
- Đế cọc tiêu, cột H, cột Km, trụ tôn hộ lan bằng BTXM mác 150 đá 2x4.
- Thiết kế đảo dẫn hướng tại các nút giao: Viên đảo định hình bằng thép dày 2mm sơn tĩnh điện dán màng phản quang SORI 3900.

8. Dự toán sau điều chỉnh: **187.466.725.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 151.260.791.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 2.306.024.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 7.762.048.000 đồng
- Chi phí khác : 9.522.851.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 16.615.011.000 đồng

9. Nguồn kinh phí điều chỉnh (bao gồm cả giải phóng mặt bằng):

- Ngân sách trung ương: 100.000.000.000 đồng;
- Ngân sách tỉnh: 109.500.000.000 đồng.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy).

Điều 3. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình điều chỉnh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; Chủ tịch UBND các huyện: Mỹ Hào, Ân Thi và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh